

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110410101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100025	Nguyễn Thanh Bình	08/11/2003	Bình	6	sáu	C23QT1	
2	2110100031	Nguyễn Thị Thúy Duy	30/11/2003	Duy	8	tám	C23QT1	
3	2110100035	Khổng Ánh Dương	21/05/2003	Dương	6	sáu	C23QT1	
4	2110100022	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/05/2003	Dương	8	tám	C23QT1	
5	2110100004	Nguyễn Nhật Hào	14/08/2002	Hào	9	chín	C23QT1	
6	2110100029	Lê Huỳnh Hân	28/02/2003	Hân	6	sáu	C23QT1	
7	2110100005	Nguyễn Thị Cẩm Hân	13/02/2002	Hân	9	chín	C23QT1	
8	2110100006	Đặng Diễm Huyền	30/07/2002	Huyền	8	tám	C23QT1	
9	2110100003	Đinh Văn Lộc	05/12/2001	Lộc	9	chín	C23QT1	
10	2110100015	Nguyễn Thị Nga	17/03/2003	Nga	7	bảy	C23QT1	
11	2110100030	Nguyễn Thái Nguyên	14/01/2003	Nguyên	9	chín	C23QT1	
12	2110100018	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/12/2003	Oanh	8	tám	C23QT1	
13	2110100028	Võ Trương Phong	30/01/2002	Phong	6	sáu	C23QT1	
14	2110100033	Nguyễn Anh Quốc	08/12/2003	Quốc	9	chín	C23QT1	
15	2110100034	Trần Thị Bích Quyên	02/09/2000	Quyên	9	chín	C23QT1	
16	2110100009	Hàn Xuân Thy	20/11/1999	Thy	9	chín	C23QT1	
17	2110100032	Hà Mỹ Tiên	08/07/2003	Tiên	6	sáu	C23QT1	
18	2110100026	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	08/06/2003	Trâm	8	tám	C23QT1	
19	2110100092	Lê Thị Thanh Trúc	21/12/2003	Trúc	8	tám	C23QT1	
20	2110100013	Hồ Bích Tuyền	15/05/2003	Tuyền	6	sáu	C23QT1	
21	2110100007	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	20/10/2000	Tuyết	9	chín	C23QT1	
22	2110100020	Nguyễn Thị Cẩm Tú	06/11/2003	Tú	8	tám	C23QT1	
23	2110100008	Huỳnh Nhật Tường Vy	19/10/2002	Vy	9	chín	C23QT1	
24	2110100021	Nguyễn Tường Vy	13/09/2003	Vy	8	tám	C23QT1	
25	2110100042	Trần Thị Tường Vy	27/11/2003	Vy	8	tám	C23QT1	
26	2110100019	Huỳnh Thị Nhã Yến	24/10/2003	Yến	9	chín	C23QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi : 0. Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____.

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Li Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110410101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100025	Nguyễn Thanh Bình	08/11/2003	Bình	5	nam	C23QT1	
2	2110100031	Nguyễn Thị Thúy Duy	30/11/2003	Duy	7.5	beay, nam	C23QT1	
3	2110100035	Khổng Ánh Dương	21/05/2003	Dương	6	gah	C23QT1	
4	2110100022	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/05/2003	Dương	7.5	beay, nam	C23QT1	
5	2110100004	Nguyễn Nhựt Hào	14/08/2002	Hào	8	nam	C23QT1	
6	2110100029	Lê Huỳnh Hân	28/02/2003	Hân	6	nam	C23QT1	
7	2110100005	Nguyễn Thị Cẩm Hân	13/02/2002	Hân	8	nam	C23QT1	
8	2110100006	Đặng Diễm Huyền	30/07/2002	Huyền	8	nam	C23QT1	
9	2110100003	Đinh Văn Lộc	05/12/2001	Lộc	8.5	nam, nam	C23QT1	
10	2110100015	Nguyễn Thị Nga	17/03/2003	Nga	7	beay	C23QT1	
11	2110100030	Nguyễn Thái Nguyên	14/01/2003	Nguyên	8.5	nam, nam	C23QT1	
12	2110100018	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/12/2003	Oanh	8	nam	C23QT1	
13	2110100028	Võ Trương Phong	30/01/2002	Phong	7	beay	C23QT1	
14	2110100033	Nguyễn Anh Quốc	08/12/2003	Quốc	8	nam	C23QT1	
15	2110100034	Trần Thị Bích Quyên	02/09/2000	Quyên	8.5	nam, nam	C23QT1	
16	2110100009	Hàn Xuân Thy	20/11/1999	Thy	10	nam	C23QT1	
17	2110100032	Hà Mỹ Tiên	08/07/2003	Tiên	6	nam	C23QT1	
18	2110100026	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	08/06/2003	Trâm	7.5	beay, nam	C23QT1	
19	2110100092	Lê Thị Thanh Trúc	21/12/2003	Trúc	8	nam	C23QT1	
20	2110100013	Hồ Bích Tuyền	15/05/2003	Tuyền	6	nam	C23QT1	
21	2110100007	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	20/10/2000	Tuyết	8.5	nam, nam	C23QT1	
22	2110100020	Nguyễn Thị Cẩm Tú	06/11/2003	Tú	8	nam	C23QT1	
23	2110100008	Huỳnh Nhật Tường Vy	19/10/2002	Vy	8.5	nam, nam	C23QT1	
24	2110100021	Nguyễn Tường Vy	13/09/2003	Vy	7.5	beay, nam	C23QT1	
25	2110100042	Trần Thị Tường Vy	27/11/2003	Vy	7.5	beay, nam	C23QT1	
26	2110100019	Huỳnh Thị Nhã Yến	24/10/2003	Yến	8	nam	C23QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 0. Số bài thi: 1/1.

Số sinh viên đạt/không đạt: 1/1.

Tỷ lệ đạt: 100%.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Trung Sơn

TR

KI



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110410101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100068	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	12/04/2002	Anh	7	bảy	C23QT2	
2	2110100044	Huỳnh Công Danh	25/07/2002	Danh	7	bảy	C23QT2	
3	2110100045	Tôn Nữ Minh Hạ	12/11/2003	Hạ	6	sáu	C23QT2	
4	2110100053	Trần Thị Tuyết Hạnh	01/03/2003	Hạnh	7	bảy	C23QT2	
5	2110100051	Võ Thị Mỹ Hòa	28/01/2003	Hòa	9	chín	C23QT2	
6	2110100039	Phan Thị Ngọc Huế	24/11/2003	Huế	9	chín	C23QT2	
7	2110100054	Lương Minh Hương	19/03/2003	Hương	9	chín	C23QT2	
8	2110100138	Phan Đăng Khoa	27/01/2003	Khoa	7	bảy	C23QT2	
9	2110100064	Nguyễn Thị Kiều Liên	17/01/2003	Liên	9	chín	C23QT2	
10	2110100043	Nguyễn Đình Lộc	08/03/2003	Lộc	7	bảy	C23QT2	
11	2110100048	Nguyễn Thị Thoại My	12/05/2003	My	7	bảy	C23QT2	
12	2110100055	Trần Hà My	28/01/2003	My	7	bảy	C23QT2	
13	2110100041	Trần Thị Thanh Nhi	09/04/2003	Nhi	9	chín	C23QT2	
14	2110100049	Trịnh Thị Yến Nhi	16/02/2003	Nhi	7	bảy	C23QT2	
15	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh Phát	01/07/2003	Phát	6	sáu	C23QT2	
16	2110100058	Châu Hải Phi	25/03/2003	Phi	6	sáu	C23QT2	
17	2110100057	Lê Thị Tú Uyên	14/02/2003	Uyên	8	tám	C23QT2	
18	2110100159	Lê Văn Sang	29/08/2003	Sang	7	bảy	C23QT2	
19	2110100069	Nguyễn Hoàng Tấn	08/10/2002	Tấn	7	bảy	C23QT2	
20	2110100050	Nguyễn Phạm Thanh Thanh	17/06/2003	Thanh	7	bảy	C23QT2	
21	2110100067	Phạm Văn Chí Thành	01/01/2003	Thành	7	bảy	C23QT2	
22	2110100062	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/10/2003	Thảo	6	sáu	C23QT2	
23	2110100066	Trương Văn Cu Trinh	06/05/2003	Trinh	7	bảy	C23QT2	
24	2110100046	Phan Minh Trí	17/08/2003	Trí	6	sáu	C23QT2	
25	2110100059	Nguyễn Tường Vi	31/03/2003	Vi	8	tám	C23QT2	
26	2110100037	Nguyễn Lê Tường Vy	19/07/2003	Vy	7	bảy	C23QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0. Số bài thi: /

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày...30 tháng 7...năm...2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

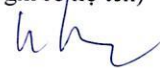


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày...4 tháng 7...năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Trung Sơn

TR
KI



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110410101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100068	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	12/04/2002	Anh	7	lấy	C23QT2	
2	2110100044	Huỳnh Công Danh	25/07/2002	Danh	7	lấy	C23QT2	
3	2110100045	Tôn Nữ Minh Hạ	12/11/2003	Hạ	7	lấy	C23QT2	
4	2110100053	Trần Thị Tuyết Hạnh	01/03/2003	Hạnh	7	lấy	C23QT2	
5	2110100051	Võ Thị Mỹ Hòa	28/01/2003	Hòa	9	chín	C23QT2	
6	2110100039	Phan Thị Ngọc Huế	24/11/2003	Huê	9	chín	C23QT2	
7	2110100054	Lương Minh Hương	19/03/2003	Hương	8.5	tám, năm	C23QT2	
8	2110100138	Phan Đăng Khoa	27/01/2003	Khoa	7	lấy	C23QT2	
9	2110100064	Nguyễn Thị Kiều Liên	17/01/2003	Liên	9	chín	C23QT2	
10	2110100043	Nguyễn Đình Lộc	08/03/2003	Lộc	7	lấy	C23QT2	
11	2110100048	Nguyễn Thị Thoại My	12/05/2003	My	7	lấy	C23QT2	
12	2110100055	Trần Hà My	28/01/2003	My	6	sáu	C23QT2	
13	2110100041	Trần Thị Thanh Nhi	09/04/2003	Nhi	9	chín	C23QT2	
14	2110100049	Trịnh Thị Yến Nhi	16/02/2003	Nhi	7	lấy	C23QT2	
15	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh Phát	01/07/2003	Phát	7	lấy	C23QT2	
16	2110100058	Châu Hải Phi	25/03/2003	Phi	7	lấy	C23QT2	
17	2110100057	Lê Thị Tú Uyên	14/02/2003	Uyên	7.5	lấy, năm	C23QT2	
18	2110100159	Lê Văn Sang	29/08/2003	Sang	7	lấy	C23QT2	
19	2110100069	Nguyễn Hoàng Tấn	08/10/2002	Tấn	6	sáu	C23QT2	
20	2110100050	Nguyễn Phạm Thanh Thanh	17/06/2003	Thanh	7	lấy	C23QT2	
21	2110100067	Phạm Văn Chí Thành	01/01/2003	Thành	6	sáu	C23QT2	
22	2110100062	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/10/2003	Thảo	7	lấy	C23QT2	
23	2110100066	Trương Văn Cu Trinh	06/05/2003	Trinh	6	sáu	C23QT2	
24	2110100046	Phan Minh Trí	17/08/2003	Trí	7	lấy	C23QT2	
25	2110100059	Nguyễn Tường Vi	31/03/2003	Vi	8	tám	C23QT2	
26	2110100037	Nguyễn Lê Tường Vy	19/07/2003	Vy	7	lấy	C23QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0. Số bài thi: /

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 30 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Li Trung San





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110410101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100191	Trần Gia Bảo	11/01/2002		7		C23QT3	
2	2110100101	Nguyễn Thị Kim Chung	20/11/2003		7	ba	C23QT3	
3	2110100097	Phan Chung	17/03/2003		7	ba	C23QT3	
4	2110100076	Võ Quỳnh Thanh Cường	07/12/2003		7	ba	C23QT3	
5	2110100095	Nguyễn Thị Minh Hiền	08/08/2003		7	ba	C23QT3	
6	2110100080	Trần Thị Ngọc Huyền	24/11/2003		7	ba	C23QT3	
7	2110100082	Lê Vạn Hưng	11/11/2003		7	ba	C23QT3	
8	2110100087	Trần Thị Hương	26/11/2003		8	tám	C23QT3	
9	2110100079	Mai Phú Khang	03/10/2003		7	ba	C23QT3	
10	2110100085	Nguyễn Thị Kiều	17/06/2003		7	ba	C23QT3	
11	2110100016	Phạm Thị Lan	18/01/2003		8	tám	C23QT3	
12	2110100089	Nguyễn Thị Trúc Liên	21/09/2003		8	tám	C23QT3	
13	2110100073	Nguyễn Khánh Linh	06/03/2003		7	ba	C23QT3	
14	2110100105	Trần Hoàng Linh	03/05/2003		7	ba	C23QT3	
15	2110100081	Trần Quang Linh	13/09/2003		7	ba	C23QT3	
16	2110100001	Nguyễn Thành Long	22/04/2001		7	ba	C23QT3	
17	2110100096	Nguyễn Thị Hồng Ngân	25/09/2003		8	tám	C23QT3	
18	2110100074	Lê Thái Phương	02/09/2002		7	ba	C23QT3	
19	2110100103	Nguyễn Bùi Hải Quan	03/07/2003		7	ba	C23QT3	
20	2110100100	Nguyễn Bé Quảng	25/05/2003		7	ba	C23QT3	
21	2110100077	Võ Lê Thu Thảo	12/05/2002		8	tám	C23QT3	
22	2110100098	Vũ Thị Thu Thảo	09/11/2002		8	tám	C23QT3	
23	2110100099	Nguyễn Phước Thịnh	29/03/2003		7	ba	C23QT3	
24	2110100086	Phan Thị Kim Thoa	04/01/2003		8	tám	C23QT3	
25	2110100094	Đoàn Minh Thư	15/08/2003		8	tám	C23QT3	
26	2110100084	Cù Phi Tiến	02/01/2003		7	ba	C23QT3	
27	2110100088	Nguyễn Thị Lệ Trinh	22/12/2003		8	tám	C23QT3	
28	2110100083	Nguyễn Ngọc Thanh Tùng	03/03/2003		7	ba	C23QT3	
29	2110100090	Bùi Quang Vinh	15/04/2003		7	ba	C23QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 1. Số bài thi: 1

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 Tỷ lệ đạt: 3.57 %

Ngày... tháng... năm... 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

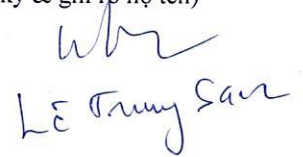


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày... tháng... năm... 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



LE Trung San



TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100191	Trần Gia Bảo	11/01/2002				C23QT3	
2	2110100101	Nguyễn Thị Kim Chung	20/11/2003	<i>KimCh</i>	8	đám	C23QT3	
3	2110100097	Phan Chung	17/03/2003	<i>PhanChung</i>	7	bảy	C23QT3	
4	2110100076	Võ Quỳnh Thanh Cường	07/12/2003	<i>PhanCung</i>	8	đám	C23QT3	
5	2110100095	Nguyễn Thị Minh Hiền	08/08/2003	<i>Hu</i>	6	sáu	C23QT3	
6	2110100080	Trần Thị Ngọc Huyền	24/11/2003	<i>Hu</i>	6	sáu	C23QT3	
7	2110100082	Lê Văn Hưng	11/11/2003	<i>Oh</i>	7	bảy	C23QT3	
8	2110100087	Trần Thị Hương	26/11/2003	<i>Hu</i>	8	đám	C23QT3	
9	2110100079	Mai Phú Khang	03/10/2003	<i>Kh</i>	6	sáu	C23QT3	
10	2110100085	Nguyễn Thị Kiều	17/06/2003	<i>Kieu</i>	8	đám	C23QT3	
11	2110100016	Phạm Thị Lan	18/01/2003	<i>La</i>	8	đám	C23QT3	
12	2110100089	Nguyễn Thị Trúc Liên	21/09/2003	<i>Lien</i>	7.5	bảy, năm	C23QT3	
13	2110100073	Nguyễn Khánh Linh	06/03/2003	<i>ml</i>	7	bảy	C23QT3	
14	2110100105	Trần Hoàng Linh	03/05/2003	<i>HL</i>	7	bảy	C23QT3	
15	2110100081	Trần Quang Linh	13/09/2003	<i>Linh</i>	7	bảy	C23QT3	
16	2110100001	Nguyễn Thành Long	22/04/2001	<i>De</i>	7	bảy	C23QT3	
17	2110100096	Nguyễn Thị Hồng Ngân	25/09/2003	<i>Ngan</i>	8	đám	C23QT3	
18	2110100074	Lê Thái Phương	02/09/2002	<i>Phuong</i>	6	sáu	C23QT3	
19	2110100103	Nguyễn Bùi Hải Quan	03/07/2003	<i>Quan</i>	6	sáu	C23QT3	
20	2110100100	Nguyễn Bé Quảng	25/05/2003	<i>Quang</i>	6	sáu	C23QT3	
21	2110100077	Võ Lê Thu Thảo	12/05/2002	<i>Th</i>	8	đám	C23QT3	
22	2110100098	Vũ Thị Thu Thảo	09/11/2002	<i>Th</i>	7.5	bảy, năm	C23QT3	
23	2110100099	Nguyễn Phước Thịnh	29/03/2003	<i>Phuoc</i>	6	sáu	C23QT3	
24	2110100086	Phan Thị Kim Thoa	04/01/2003	<i>Th</i>	7.5	bảy, năm	C23QT3	
25	2110100094	Đoàn Minh Thư	15/08/2003	<i>Th</i>	8	đám	C23QT3	
26	2110100084	Cù Phi Tiến	02/01/2003	<i>Phi</i>	7	bảy	C23QT3	
27	2110100088	Nguyễn Thị Lệ Trinh	22/12/2003	<i>Tr</i>	7.5	bảy, năm	C23QT3	
28	2110100083	Nguyễn Ngọc Thanh Tùng	03/03/2003	<i>em</i>	7	bảy	C23QT3	
29	2110100090	Bùi Quang Vinh	15/04/2003	<i>Quang</i>	7	bảy	C23QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 4. Số bài thi: 1 / 1.Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: %

Ngày... tháng... năm... 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

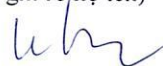


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày... tháng... năm... 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Tammy San



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 3 - Năm học 2021-2022

Môn học: Nguyên lý thống kê

Mã bài thi: ZVWV10

Thời gian thi: 14/07/2022 15:15:00

Thời gian kết thúc: 14/07/2022 16:15:00

Giám thị 1: P. V. Duyệt Ký tên: [Chữ ký]

Giám thị 2: T. T. Hư Ký tên: [Chữ ký]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100068	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	12/04/2002	<u>Anh</u>	5.8	Năm, tám	C23QT2	
2	2110100025	Nguyễn Thanh Bình	08/11/2003	<u>Bình</u>	6.2	Sáu, hai	C23QT1	
3	2110100097	Phan Chung	17/03/2003	<u>Phan Chung</u>	5.8	Năm, tám	C23QT3	
4	2110100101	Nguyễn Thị Kim Chung	20/11/2003	<u>Kim Chung</u>	6	Sáu	C23QT3	
5	2110100076	Võ Quỳnh Thanh Cường	07/12/2003	<u>Thanh Cường</u>	6.5	Sáu, năm	C23QT3	
6	2110100044	Huỳnh Công Danh	25/07/2002	<u>Danh</u>	7.8	Bảy, tám	C23QT2	
7	2110100022	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/05/2003	<u>Dương</u>	6	Sáu	C23QT1	
8	2110100035	Khổng Ánh Dương	21/05/2003	<u>Dương</u>	6	Sáu	C23QT1	
9	2110100031	Nguyễn Thị Thúy Duy	30/11/2003	<u>Duy</u>	6.5	Sáu, năm	C23QT1	
10	2110100045	Tôn Nữ Minh Hạ	12/11/2003	<u>Minh Hạ</u>	5.5	Năm, năm	C23QT2	
11	2110100029	Lê Huỳnh Hân	28/02/2003	<u>Hân</u>	5.8	Năm, tám	C23QT1	
12	2110100005	Nguyễn Thị Cẩm Hân	13/02/2002	<u>Hân</u>	8.2	Tám, hai	C23QT1	
13	2110100053	Trần Thị Tuyết Hạnh	03/01/2003	<u>Hạnh</u>	5.5	Năm, năm	C23QT2	
14	2110100004	Nguyễn Nhật Hào	14/08/2002	<u>Hào</u>	6.2	Sáu, hai	C23QT1	
15	2110100095	Nguyễn Thị Minh Hiền	08/08/2003	<u>Hiền</u>	7	Bảy	C23QT3	
16	2110100051	Võ Thị Mỹ Hòa	28/01/2003	<u>Hòa</u>	8	Tám	C23QT2	
17	2110100039	Phan Thị Ngọc Huế	24/11/2003	<u>Huế</u>	7.5	Bảy, năm	C23QT2	
18	2110100082	Lê Vạn Hưng	11/11/2003	<u>Hưng</u>	8	Tám	C23QT3	
19	2110100087	Trần Thị Hương	26/11/2003	<u>Hương</u>	7	Bảy	C23QT3	
20	2110100054	Lương Minh Hương	19/03/2003	<u>Hương</u>	6.5	Sáu, năm	C23QT2	
21	2110100080	Trần Thị Ngọc Huyền	24/11/2003	<u>Huyền</u>	7.8	Bảy, tám	C23QT3	
22	2110100006	Đặng Diễm Huyền	30/07/2002	<u>Huyền</u>	7.8	Bảy, tám	C23QT1	
23	2110100079	Mai Phú Khang	03/10/2003	<u>Khang</u>	8	Tám	C23QT3	
24	2110100138	Phan Đăng Khoa	27/01/2003	<u>Khoa</u>	7.5	Bảy, năm	C23QT2	
25	2110100085	Nguyễn Thị Kiều	17/06/2003	<u>Kiều</u>	8	Tám	C23QT3	
26	2110100016	Phạm Thị Lan	18/01/2003	<u>Lan</u>	7.8	Bảy, tám	C23QT3	
27	2110100089	Nguyễn Thị Trúc Liên	21/09/2003	<u>Liên</u>	8.2	Tám, hai	C23QT3	
28	2110100064	Nguyễn Thị Kiều Liên	17/01/2003	<u>Liên</u>	7.2	Bảy, hai	C23QT2	
29	2110100105	Trần Hoàng Linh	03/05/2003	<u>Linh</u>	8.5	Tám, năm	C23QT3	
30	2110100081	Trần Quang Linh	13/09/2003	<u>Linh</u>	8.5	Tám, năm	C23QT3	
31	2110100073	Nguyễn Khánh Linh	06/03/2003	<u>Linh</u>	7	Bảy	C23QT3	
32	2110100043	Nguyễn Đình Lộc	08/03/2003	<u>Lộc</u>	7.2	Bảy, hai	C23QT2	
33	2110100003	Đinh Văn Lộc	05/12/2001	<u>Lộc</u>	8	Tám	C23QT1	
34	2110100001	Nguyễn Thành Long	22/04/2001	<u>Long</u>	8	Tám	C23QT3	
35	2110100048	Nguyễn Thị Thoại My	12/05/2003	<u>My</u>	7.8	Bảy, tám	C23QT2	
36	2110100055	Trần Hà My	28/01/2003	<u>My</u>	6.5	Sáu, năm	C23QT2	
37	2110100015	Nguyễn Thị Nga	17/03/2003	<u>Nga</u>	5.2	Năm, hai	C23QT1	
38	2110100096	Nguyễn Thị Hồng Ngân	25/09/2003	<u>Ngân</u>	6	Sáu	C23QT3	
39	2110100030	Nguyễn Thái Nguyên	14/01/2003	<u>Thái Nguyên</u>	7.2	Bảy, hai	C23QT1	
40	2110100049	Trịnh Thị Yên Nhi	16/02/2003	<u>Nhi</u>	7	Bảy	C23QT2	
41	2110100041	Trần Thị Thanh Nhi	09/04/2003	<u>Nhi</u>	6.8	Sáu, tám	C23QT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 41

Số sinh viên đạt: 41

Ngày 30 tháng 7 năm 2022

Ngày 14 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

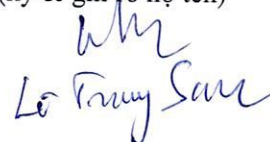
(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)





BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 14/07/2022

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: P. V. Dũng

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: T. T. Hoa

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100068	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	12/04/2002	<u>Anh</u>				C23QT2	
2	2110100025	Nguyễn Thanh Bình	08/11/2003	<u>Bình</u>				C23QT1	
3	2110100101	Nguyễn Thị Kim Chung	20/11/2003	<u>Kim Chung</u>				C23QT3	
4	2110100097	Phan Chung	17/03/2003	<u>Phan Chung</u>				C23QT3	
5	2110100076	Võ Quỳnh Thanh Cường	07/12/2003	<u>Phan Cường</u>				C23QT3	
6	2110100044	Huỳnh Công Danh	25/07/2002	<u>Danh</u>				C23QT2	
7	2110100031	Nguyễn Thị Thúy Duy	30/11/2003	<u>Duy</u>				C23QT1	
8	2110100035	Khổng Ánh Dương	21/05/2003	<u>Dương</u>				C23QT1	
9	2110100022	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/05/2003	<u>Dương</u>				C23QT1	
10	2110100004	Nguyễn Nhật Hào	14/08/2002	<u>Hào</u>				C23QT1	
11	2110100045	Tôn Nữ Minh Hạ	12/11/2003	<u>Hạ</u>				C23QT2	
12	2110100053	Trần Thị Tuyết Hạnh	01/03/2003	<u>Hạnh</u>				C23QT2	
13	2110100029	Lê Huỳnh Hân	28/02/2003	<u>Hân</u>				C23QT1	
14	2110100005	Nguyễn Thị Cẩm Hân	13/02/2002	<u>Hân</u>				C23QT1	
15	2110100095	Nguyễn Thị Minh Hiền	08/08/2003	<u>Hiền</u>				C23QT3	
16	2110100051	Võ Thị Mỹ Hòa	28/01/2003	<u>Hòa</u>				C23QT2	
17	2110100039	Phan Thị Ngọc Huế	24/11/2003	<u>Huế</u>				C23QT2	
18	2110100006	Đặng Diễm Huyền	30/07/2002	<u>Huyền</u>				C23QT1	
19	2110100080	Trần Thị Ngọc Huyền	24/11/2003	<u>Huyền</u>				C23QT3	
20	2110100082	Lê Vạn Hưng	11/11/2003	<u>Hưng</u>				C23QT3	
21	2110100054	Lương Minh Hương	19/03/2003	<u>Hương</u>				C23QT2	
22	2110100087	Trần Thị Hương	26/11/2003	<u>Hương</u>				C23QT3	
23	2110100079	Mai Phú Khang	03/10/2003	<u>Khang</u>				C23QT3	
24	2110100138	Phan Đăng Khoa	27/01/2003	<u>Khoa</u>				C23QT2	
25	2110100085	Nguyễn Thị Kiều	17/06/2003	<u>Kiều</u>				C23QT3	
26	2110100016	Phạm Thị Lan	18/01/2003	<u>Lan</u>				C23QT3	
27	2110100064	Nguyễn Thị Kiều Liên	17/01/2003	<u>Liên</u>				C23QT2	
28	2110100089	Nguyễn Thị Trúc Liên	21/09/2003	<u>Liên</u>				C23QT3	
29	2110100073	Nguyễn Khánh Linh	06/03/2003	<u>Linh</u>				C23QT3	
30	2110100105	Trần Hoàng Linh	03/05/2003	<u>Linh</u>				C23QT3	
31	2110100081	Trần Quang Linh	13/09/2003	<u>Linh</u>				C23QT3	
32	2110100001	Nguyễn Thành Long	22/04/2001	<u>Long</u>				C23QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100003	Đinh Văn Lộc	05/12/2001					C23QT1	
34	2110100043	Nguyễn Đình Lộc	08/03/2003					C23QT2	
35	2110100048	Nguyễn Thị Thoại	12/05/2003					C23QT2	
36	2110100055	Trần Hà	28/01/2003					C23QT2	
37	2110100015	Nguyễn Thị	17/03/2003					C23QT1	
38	2110100096	Nguyễn Thị Hồng	25/09/2003					C23QT3	
39	2110100030	Nguyễn Thái	14/01/2003					C23QT1	
40	2110100041	Trần Thị Thanh	09/04/2003					C23QT2	
41	2110100049	Trịnh Thị Yến	16/02/2003					C23QT2	

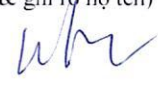
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 41 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 41 / .

Số sinh viên đạt: Tỷ lệ đạt: %

Ngày 20 tháng 7 năm 2022
TRƯỜNG CD BCT
PH
KHẢO THÍ
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 14 tháng 7 năm 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 3 - Năm học 2021-2022

Môn học: Nguyên lý thống kê

Mã bài thi: 7K9GEH

Thời gian thi: 14/07/2022 15:15:00

Thời gian kết thúc: 14/07/2022 16:15:00

Giám thị 1: NL P. Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Ng. Văn Duyệt Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: [Signature] Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: [Signature] Ký tên: [Signature]

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100018	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/12/2003	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C23QT1	
2	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh Phát	01/07/2003	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C23QT2	
3	2110100058	Châu Hải Phi	25/03/2003	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C23QT2	
4	2110100028	Võ Trương Phong	30/01/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C23QT1	
5	2110100074	Lê Thái Phương	02/09/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C23QT3	
6	2110100103	Nguyễn Bùi Hải Quan	03/07/2003	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C23QT3	
7	2110100100	Nguyễn Bé Quảng	25/05/2003	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C23QT3	
8	2110100033	Nguyễn Anh Quốc	08/12/2003	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C23QT1	
9	2110100034	Trần Thị Bích Quyên	02/09/2000	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C23QT1	
10	2110100057	Lê Thị Tú Quyên	14/02/2003	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C23QT2	
11	2110100159	Lê Văn Sang	29/08/2003	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám, năm	C23QT2	
12	2110100069	Nguyễn Hoàng Tấn	08/10/2002	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C23QT2	
13	2110100050	Nguyễn Phạm Thanh Thanh	17/06/2003	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C23QT2	
14	2110100067	Phạm Văn Chí Thành	01/01/2003	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C23QT2	
15	2110100062	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/10/2003	<u>[Signature]</u>	4.5	Bốn, năm	C23QT2	
16	2110100077	Võ Lê Thu Thảo	12/05/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy, năm	C23QT3	
17	2110100098	Vũ Thị Thu Thảo	09/11/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy, năm	C23QT3	
18	2110100099	Nguyễn Phước Thịnh	29/03/2003	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C23QT3	
19	2110100086	Phan Thị Kim Thoa	04/01/2003	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C23QT3	
20	2110100094	Đoàn Minh Thư	15/08/2003	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C23QT3	
21	2110100009	Hàn Xuân Thy	20/11/1999	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C23QT1	
22	2110100032	Hà Mỹ Tiên	08/07/2003	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C23QT1	
23	2110100084	Cù Phi Tiên	02/01/2003	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám, năm	C23QT3	
24	2110100026	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	08/06/2003	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C23QT1	
25	2110100046	Phan Minh Trí	17/08/2003	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C23QT2	
26	2110100088	Nguyễn Thị Lệ Trinh	22/12/2003	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C23QT3	
27	2110100066	Trương Văn Cu Trinh	06/05/2003	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C23QT2	
28	2110100092	Lê Thị Thanh Trúc	21/12/2003	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C23QT1	
29	2110100020	Nguyễn Thị Cẩm Tú	06/11/2003	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C23QT1	
30	2110100083	Nguyễn Ngọc Thanh Tùng	03/03/2003	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C23QT3	
31	2110100013	Hồ Bích Tuyền	15/05/2003	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C23QT1	
32	2110100007	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	20/10/2000	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C23QT1	
33	2110100059	Nguyễn Tường Vi	31/03/2003	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C23QT2	
34	2110100008	Huỳnh Nhật Tường Vy	19/10/2002	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C23QT1	
35	2110100021	Nguyễn Tường Vy	13/09/2003	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C23QT1	
36	2110100037	Nguyễn Lê Tường Vy	19/07/2003	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C23QT2	
37	2110100042	Trần Thị Tường Vy	27/11/2003	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C23QT1	
38	2110100019	Huỳnh Thị Nhã Yến	24/10/2003	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy, năm	C23QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 38

Số sinh viên đạt: 38

Ngày 30 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiên Thông Minh

Ngày 14 tháng 7 năm 2022

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Lê Trung Sơn



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 14/07/2022

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 3

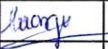
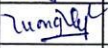
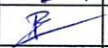
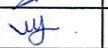
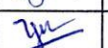
Giám thị 1: NLP Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Ng Tiem Dung Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100018	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/12/2003	[Signature]				C23QT1	
2	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh Phát	01/07/2003	[Signature]				C23QT2	
3	2110100058	Châu Hải Phi	25/03/2003	[Signature]				C23QT2	
4	2110100028	Võ Trương Phong	30/01/2002	[Signature]				C23QT1	
5	2110100074	Lê Thái Phương	02/09/2002	[Signature]				C23QT3	
6	2110100103	Nguyễn Bùi Hải Quan	03/07/2003	[Signature]				C23QT3	
7	2110100100	Nguyễn Bé Quảng	25/05/2003	[Signature]				C23QT3	
8	2110100033	Nguyễn Anh Quốc	08/12/2003	[Signature]				C23QT1	
9	2110100057	Lê Thị Tú Uyên	14/02/2003	[Signature]				C23QT2	
10	2110100034	Trần Thị Bích Uyên	02/09/2000	[Signature]				C23QT1	
11	2110100159	Lê Văn Sang	29/08/2003	[Signature]				C23QT2	
12	2110100069	Nguyễn Hoàng Tấn	08/10/2002	[Signature]				C23QT2	
13	2110100050	Nguyễn Phạm Thanh Thanh	17/06/2003	[Signature]				C23QT2	
14	2110100067	Phạm Văn Chí Thành	01/01/2003	[Signature]				C23QT2	
15	2110100062	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/10/2003	[Signature]				C23QT2	
16	2110100077	Võ Lê Thu Thảo	12/05/2002	[Signature]				C23QT3	
17	2110100098	Vũ Thị Thu Thảo	09/11/2002	[Signature]				C23QT3	
18	2110100099	Nguyễn Phước Thịnh	29/03/2003	[Signature]				C23QT3	
19	2110100086	Phan Thị Kim Thoa	04/01/2003	[Signature]				C23QT3	
20	2110100094	Đoàn Minh Thư	15/08/2003	[Signature]				C23QT3	
21	2110100009	Hàn Xuân Thy	20/11/1999	[Signature]				C23QT1	
22	2110100032	Hà Mỹ Tiên	08/07/2003	[Signature]				C23QT1	
23	2110100084	Cù Phi Tiến	02/01/2003	[Signature]				C23QT3	
24	2110100026	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	08/06/2003	[Signature]				C23QT1	
25	2110100088	Nguyễn Thị Lệ Trinh	22/12/2003	[Signature]				C23QT3	
26	2110100066	Trương Văn Cu Trinh	06/05/2003	[Signature]				C23QT2	
27	2110100046	Phan Minh Trí	17/08/2003	[Signature]				C23QT2	
28	2110100092	Lê Thị Thanh Trúc	21/12/2003	[Signature]				C23QT1	
29	2110100013	Hồ Bích Tuyền	15/05/2003	[Signature]				C23QT1	
30	2110100007	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	20/10/2000	[Signature]				C23QT1	
31	2110100083	Nguyễn Ngọc Thanh Tùng	03/03/2003	[Signature]				C23QT3	
32	2110100020	Nguyễn Thị Cẩm Tú	06/11/2003	[Signature]				C23QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100059	Nguyễn Tường Vi	31/03/2003					C23QT2	
34	2110100090	Bùi Quang Vinh	15/04/2003					C23QT3	
35	2110100008	Huỳnh Nhật Tường Vy	19/10/2002					C23QT1	
36	2110100037	Nguyễn Lê Tường Vy	19/07/2003					C23QT2	
37	2110100021	Nguyễn Tường Vy	13/09/2003					C23QT1	
38	2110100042	Trần Thị Tường Vy	27/11/2003					C23QT1	
39	2110100019	Huỳnh Thị Nhã Yến	24/10/2003					C23QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

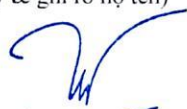
Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: ____%

Ngày: 3 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh



Ngày: 14 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

